THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 689/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình quản lý nợ trung hạn 2013 - 2015

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ vào các Nghị quyết số 10/2011/QH13 ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quản lý nợ trung hạn giai đoạn 2013 - 2015 với những nội dung chính như sau:

1. Tên Chương trình: Chương trình quản lý nợ trung hạn giai đoạn 2013 - 2015.

2. Cơ quan quản lý Chương trình: Bộ Tài chính.

3. Cơ quan phối hợp: Các Bộ, ngành và địa phương.

4. Mục tiêu của Chương trình

a) Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của Chương trình là tổ chức huy động và quản lý sử dụng vốn vay với chi phí và mức độ rủi ro phù hợp, đáp ứng nhu cầu cân đối ngân sách nhà

nước và đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ; việc phân bổ, sử dụng vốn vay phải đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo khả năng trả nợ; duy trì các chỉ số nợ công, nợ Chính phủ và nợ nước ngoài của quốc gia ở mức an toàn, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, phù hợp với điều kiện của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

b) Mục tiêu cụ thể của giai đoạn 2013 - 2015

- Vay trong và ngoài nước để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước theo hướng giảm dần bội chi ngân sách nhà nước, phấn đấu đến năm 2015 (tính cả trái phiếu chính phủ) dưới 4,5% GDP. Trong đó, năm 2013 là 4,8% GDP; năm 2014 khoảng 4,7% GDP.

- Tổ chức phát hành trái phiếu Chính phủ trong nước cho chương trình đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục giai đoạn 2011 - 2015.

- Huy động vốn vay bổ sung để thực hiện đề án xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Bảo lãnh Chính phủ, vay trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay tự trả, vay trả nợ của chính quyền địa phương phải nằm trong các hạn mức vay nợ hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý rủi ro, thực hiện tái cơ cấu lại một số khoản nợ công nhằm giảm thiểu rủi ro về thị trường, tín dụng và thanh khoản, đảm bảo các chỉ tiêu nợ trong giới hạn an toàn và an ninh tài chính quốc gia.

- Giảm thiểu rủi ro về tái cấp vốn, thanh khoản, tỷ giá, đồng tiền, có cơ chế thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu chính phủ và phấn đấu kéo dài thời hạn vay qua phát hành trái phiếu chính phủ trong nước giai đoạn 2011 - 2015 trung bình khoảng từ 4 - 6 năm.

- Xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin để phục vụ việc theo dõi, giám sát và đánh giá bền vững về nợ công theo quy định.

- Nợ công (bao gồm nợ chính phủ, nợ được chính phủ bảo lãnh và nợ chính quyền địa phương) đến năm 2015 không quá 65% GDP, trong đó dư nợ chính phủ không quá 50% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP.

- Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ (không kể cho vay lại) so với tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm không quá 25% và nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia hàng năm dưới 25% giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ.

- Đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ dự trữ ngoại hối nhà nước so với tổng dư nợ nước ngoài ngắn hạn của quốc gia hàng năm trên 200%.

5. Nguyên tắc quản lý

a) Nhà nước quản lý thống nhất, toàn diện nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia, từ việc huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay đến việc trả nợ;

b) Bảo đảm an toàn nợ trong giới hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia và cân đối vĩ mô nền kinh tế;

c) Bảo đảm hiệu quả trong việc vay vốn và sử dụng vốn vay; không vay ngắn hạn để đầu tư dài hạn. Vốn vay thương mại nước ngoài chỉ sử dụng cho các chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn trực tiếp và bảo đảm khả năng trả nợ;

d) Người vay chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay;

đ) Công khai, minh bạch trong việc huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay, trả nợ. Chương trình, dự án sử dụng vốn vay của Chính phủ, chính quyền địa phương phải được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc kiểm toán độc lập;

e) Mọi nghĩa vụ nợ được đối xử bình đẳng.

6. Phạm vi quản lý các khoản nợ

a) Nợ Chính phủ, bao gồm: nợ trong nước (tín phiếu kho bạc, trái phiếu Chính phủ, huy động từ các Quỹ, vay tồn ngân Kho bạc...); nợ nước ngoài (vay ODA, ưu đãi, thương mại) và các khoản vay khác theo quy định của pháp luật;

b) Nợ được Chính phủ bảo lãnh: vay của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và các định chế tài chính (Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội) từ nguồn vốn trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

c) Nợ của Chính quyền địa phương: phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay tồn ngân kho bạc, vay lại vốn vay nước ngoài của chính phủ, vay từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản nợ nước ngoài theo phương thức tự vay tự trả được quản lý thông qua xác nhận hạn mức vay trả hàng năm do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

a) Tổ chức huy động vốn vay bổ sung cho cân đối ngân sách nhà nước và đầu tư phát triển kinh tế - xã hội:

- Cân đối nhu cầu và triển khai hiệu quả kế hoạch huy động và sử dụng vốn vay trong nước và nước ngoài của Chính phủ giai đoạn 2013 - 2015, ưu tiên lựa chọn các khoản vay dài hạn, với chi phí vay thấp và có mức rủi ro hợp lý, cụ thể:

Đơn vị: tỷ đồng

Năm	2013	2014	2015
Tổng số	290.897	303.702	316.885
1. Vay bù đắp bội chi ngân sách	162.000	182.000	200.000
a) Vay ngoài nước	27.000	33.000	40.000
b) Vay trong nước	135.000	149.000	160.000
2. Phát hành trái phiếu GTTL	60.000	45.000	30.000
3. Vay về cho vay lại, vay theo chương trình	68.897	76.702	86.885

- Tổng mức vay được Chính phủ xem xét và cấp bảo lãnh hàng năm để đảm bảo chỉ tiêu an toàn nợ công đã được Quốc hội phê duyệt, giai đoạn 2013 - 2015 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Bảo lãnh Chính phủ			
	2013	2014	2015	Tổng
Tổng số	109.343	132.500	144.000	385.843
1. Bảo lãnh vay trong nước	70.343	90.000	99.000	269.000
a) Ngân hàng Phát triển Việt Nam	40.000	45.000	45.000	130.000
b) Ngân hàng Chính sách Xã hội	17.000	19.000	23.000	59.000
c) Trái phiếu công trình (QL1A, QL14)	5.343	15.000	15.000	35.343
d) Các dự án trọng điểm khác	8.000	11.000	16.000	35.000
2. Bảo lãnh vay nước ngoài	39.000	42.500	45.000	126.500

- Tiếp tục khống chế hạn mức huy động vốn vay của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý Ngân sách Nhà nước như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hạn mức dư nợ tối đa		
	2013	2014	2015
1. Kế hoạch vốn đầu tư XDCB	153.625	173.600	197.730
2. Dư nợ chính quyền địa phương	46.000	52.000	59.000

- Hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia; bảo lãnh vay nước ngoài của chính phủ, tự vay tự trả nước ngoài của các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng giai đoạn 2013 - 2015, chi tiết như sau:

Đơn vị: quy triệu USD

Chỉ tiêu	2013	2014	2015
1. GDP	160.000	180.000	202.000
2. Dư nợ nước ngoài của quốc gia tối đa	80.000	90.000	101.000
3. Hạn mức vay nước ngoài (vay ròng)	9.200	10.000	11.000
a) Chính phủ	3.150	3.500	4.100
b) Doanh nghiệp và TCTD	6.050	6.500	6.900
- Bảo lãnh Chính phủ	1.350	1.400	1.500
- Tự vay tự trả nước ngoài trung dài hạn	3.500	3.800	4.000
- Vay ngắn hạn nước ngoài	1.200	1.300	1.400

b) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn, làm ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế của Chính phủ.

Các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có trách nhiệm và nghĩa vụ sử dụng vốn vay đúng mục đích, không được sử dụng vốn vay ngắn hạn để đầu tư cho các dự án trung và dài hạn, tự chịu mọi rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, sử dụng vốn vay và trả nợ đúng hạn.

c) Tăng cường công tác quản lý rủi ro và thực hiện tái cơ cấu lại một số khoản nợ công

- Triển khai thực hiện Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu nợ gốc trái phiếu quốc tế.

- Nghiên cứu phương án xử lý rủi ro tỷ giá, hoán đổi lãi suất thả nổi một số khoản nợ trong danh mục nợ công hiện hành.

- Tổ chức tiến hành việc phân loại nợ bị rủi ro tín dụng và ban hành tiêu chí đánh giá, xếp hạng về khả năng trả nợ của người vay lại, người được bảo lãnh.

- Xây dựng các công cụ kiểm soát và hệ thống cảnh báo rủi ro, duy trì và kiểm tra thường xuyên quy trình thực hiện nghiệp vụ quản lý nợ công.

- Tăng cường công tác kiểm toán (kiểm toán nhà nước và kiểm toán độc lập) theo quy định Luật Quản lý nợ công.

- Chủ động trích lập, bố trí nguồn dự phòng theo quy định của pháp luật nhằm tạo lập nguồn vốn để xử lý khi có rủi ro xảy ra.

d) Xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin để phục vụ việc theo dõi, giám sát và đánh giá bền vững về nợ công

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống thiết bị kỹ thuật cần thiết để quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống thông tin về nợ công.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về đăng ký khoản vay nợ khu vực công; theo dõi việc cho vay lại, bảo lãnh, đăng ký và xử lý tài sản đảm bảo; nợ chính quyền địa phương; hệ thống cảnh báo rủi ro đối với danh mục nợ công.

- Xây dựng và triển khai phần mềm ứng dụng để cập nhật, vận hành và tra cứu các thông tin về quản lý nhà nước đối với nợ công theo quy định.

- Điều tra, đánh giá, xác định phạm vi, thu thập, xử lý, báo cáo và công khai thông tin về nợ công, nợ chính phủ và nợ nước ngoài của quốc gia theo quy định.

đ) Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ thể chế chính sách quản lý nợ

- Nghiên cứu, sửa đổi và ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 123/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định một số cơ chế tài chính - ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội.

- Nghiên cứu, sửa đổi và ban hành Nghị định mới thay Nghị định số 124/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định một số cơ chế tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hồ Chí Minh.

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định 134/2005/NĐ-CP về vay trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp theo phương thức tự vay tự trả và các văn bản hướng dẫn thực hiện nghị định này.

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành chế tài xử lý vi phạm đối với chủ đầu tư không thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung đã cam kết bảo lãnh chính phủ.

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế quản lý các tài sản bảo đảm, tài sản thế chấp cho các chương trình, dự án được Chính phủ bảo lãnh và vay lại vốn nước ngoài của Chính phủ.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế hướng dẫn quản lý tài chính đối với chương trình dự án ODA và vốn vay ưu đãi khác.

- Nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các ngành, lĩnh vực ưu tiên được vay lại vốn vay ưu đãi, vay thương mại nước ngoài của Chính phủ trong từng giai đoạn 5 năm.

e) Kiểm soát chặt chẽ việc cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ

- Việc cấp bảo lãnh chính phủ phải thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 44/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục các chương trình, dự án ưu tiên được xem xét cấp bảo lãnh chính phủ.

- Trước mắt chưa xem xét bảo lãnh phát hành trái phiếu quốc tế. Các doanh nghiệp hoặc ngân hàng thương mại nếu có nhu cầu thì chủ động phát hành trái phiếu quốc tế không có bảo lãnh chính phủ.

- Chỉ xem xét cấp bảo lãnh vay trong nước đối với các dự án cấp bách, công trình trọng điểm quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định cấp bảo lãnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát và có biện pháp xử lý cụ thể đối với các chương trình, dự án được bảo lãnh Chính phủ gặp khó khăn trong việc trả nợ đến hạn, tránh gây áp lực đến nghĩa vụ nợ dự phòng của ngân sách nhà nước.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ quản, chính quyền địa phương trong quá trình cấp bảo lãnh chính phủ cho doanh nghiệp để đảm bảo từng cơ quan thực hiện đúng trách nhiệm đối với các dự án đầu tư được Chính phủ bảo lãnh.

- Thực hiện việc đăng ký tài sản thế chấp bảo đảm cho bảo lãnh Chính phủ cũng như việc theo dõi, giám sát các tài sản thế chấp này.

g) Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay về cho vay lại

- Tăng cường cơ chế chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước và doanh nghiệp, nhà đầu tư; giữa Chính phủ và chính quyền địa phương đối với các khoản vay nước ngoài của chính phủ về cho vay lại.

- Mở rộng cơ chế cho vay lại cho chính quyền địa phương để nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương, đồng thời bảo đảm đối xử công bằng giữa các địa phương.

- Việc sử dụng nguồn vốn cho vay lại phải có chọn lọc, tránh dàn trải, tập trung cho các công trình, chương trình, dự án ưu tiên cao; tiếp tục chú trọng vào tiêu chí hiệu quả khi lựa chọn từng dự án cụ thể.

- Tăng cường áp dụng phương thức cho vay lại thông qua hạn mức tín dụng cho các ngân hàng thương mại có đủ năng lực đối với các trường hợp nhà tài trợ cho vay không theo phương thức tài trợ dự án, nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan cho vay lại cũng như của Người vay lại.

- Khẩn trương rà soát, hoàn thiện các quy định trong các lĩnh vực đăng ký tài sản đảm bảo khoản vay, xử lý tài sản đảm bảo theo cơ chế thị trường có tính đến đặc thù của dự án vay nước ngoài của Chính phủ.

- Các Bộ, địa phương cần tăng cường trách nhiệm trong thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, tránh đầu tư dàn trải; tránh quy hoạch phát triển địa phương theo phong trào; tiến tới áp dụng cơ chế chính quyền địa phương phải bảo đảm khả năng trả nợ cho các dự án do chính quyền địa phương phê duyệt.

- Các chủ dự án vay lại cần nâng cao trách nhiệm và tính chủ động trong quản lý nguồn vốn cho vay lại, sử dụng có hiệu quả tài sản hình thành từ vốn vay, tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo hiểm công trình, quản lý tài sản của dự án, tài sản bảo đảm khoản vay, có biện pháp hạn chế tối đa rủi ro và chi phí cho dự án.

- Các chủ dự án là các Tập đoàn, Tổng công ty lớn hiện đang có tình trạng đầu tư dàn trải cần khẩn trương thực hiện dứt điểm việc tái cơ cấu tài chính, thoái vốn khỏi các hoạt động kinh doanh ngoài ngành nghề chính, ưu tiên sử dụng nguồn thu hồi từ thoái vốn để xử lý nợ.

- Các cơ quan cho vay lại cần tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát các dự án được ủy quyền cho vay lại, đồng thời phát triển các công cụ quản lý rủi ro và phát hiện sớm rủi ro, báo cáo Chính phủ xử lý kịp thời.

8. Kinh phí triển khai Chương trình

a) Nguồn kinh phí được bố trí từ ngân sách nhà nước và huy động từ các nguồn vốn tài trợ nước ngoài;

b) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, cân đối vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để triển khai thực hiện Chương trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Là cơ quan quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện Chương trình; định kỳ hàng năm tổ chức cập nhật, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ nhiệm vụ được phân công trong Luật Quản lý nợ công và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành, có trách nhiệm tổ chức thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ liên quan của Chương trình.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước, theo dõi, kiểm tra, giám sát, thanh tra, báo cáo và cung cấp thông tin về nợ công theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý nợ chính quyền địa phương, cung cấp các thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng thẩm quyền thuộc cấp tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I

DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU VỀ NỢ CÔNG GIAI ĐOẠN 2013 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: nghìn tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015
I. CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ			
1.1. GDP (giá hiện hành)	3,376	3,865	4,445
1.2. Tỷ lệ bội chi NSNN (% GDP)	4.8%	4.7%	4.5%
1.3. Tỷ giá USD/VND cuối kỳ	21,000	21,500	22,000
II. HUY ĐỘNG VỐN VAY	**443.7**	**492.8**	**537.0**
2.1. Chính phủ	**316.9**	**338.8**	**363.0**
a) Vay cho ngân sách nhà nước	162.0	182.0	200.0
- Vay trong nước	135.0	149.0	160.0
- Vay nước ngoài	27.0	33.0	40.0
b) Vay đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ	60.0	45.0	30.0
c) Phát hành trái phiếu đảo nợ	26.0	35.0	46.0
d) Vay nước ngoài về cho vay lại, vay chương trình	68.9	76.8	87.0
2.2. Chính phủ bảo lãnh	**109.3**	**132.5**	**144.0**
a) Bảo lãnh trong nước cho định chế chính sách (VDB, NHCSXH, VEC...)	65.0	75.0	84.0
b) Bảo lãnh phát hành trái phiếu công trình (QL1A, QL14)	5.3	15.0	15.0
c) Bảo lãnh vay nước ngoài	39.0	42.5	45.0
2.3. Chính quyền địa phương	**17.5**	**21.5**	**30.0**
III. NGHĨA VỤ TRẢ NỢ			
3.1. Chính phủ	**126.8**	**152.6**	**173.1**
a) Trả nợ trong cân đối ngân sách nhà nước	106.7	129.5	151.5
- Trả nợ trong nước	82.8	101.5	115.3
+ Gốc	46.8	55.0	62.7
+ Lãi & phí	36.0	46.5	52.6

Chỉ tiêu	2013	2014	2015
- Trả nợ nước ngoài	23.9	28.0	36.2
+ Gốc	17.1	19.8	26.0
+ Lãi & phí	6.9	8.1	10.2
b) Trả nợ cho vay lại	20.1	23.1	21.7
+ Gốc	13.2	14.8	11.8
+ Lãi & phí	6.9	8.4	9.9
3.2. Chính phủ bảo lãnh	**77.0**	**90.0**	**105.0**
a) Trả nợ trong nước	56.3	66.9	76.4
+ Gốc	38.5	45.1	52.0
+ Lãi & phí	17.8	21.9	24.4
b) Trả nợ nước ngoài	20.7	23.1	28.6
+ Gốc	13.5	15.2	19.5
+ Lãi & phí	7.2	7.9	9.1
3.3. Chính quyền địa phương	**8.4**	**12.8**	**17.2**
+ Gốc	5.6	8.8	11.3
+ Lãi & phí	2.8	4.0	5.9
IV. DƯ NỢ CUỐI KỲ			
4.1. Dư nợ công	**1,929.1**	**2,316.8**	**2,781.5**
4.2. Dư nợ Chính phủ	**1,484.5**	**1,798.1**	**2,156.3**
4.2. Chính phủ bảo lãnh	**407.3**	**478.4**	**566.2**
4.3. Chính quyền địa phương	**27.6**	**40.3**	**59.0**
V. CÁC CHỈ TIÊU VỀ NỢ CÔNG			
5.1. Nợ công so với GDP	**57.1%**	**59.9%**	**62.6%**
a) Nợ Chính phủ so với GDP	*44.0%*	*46.5%*	*48.5%*
b) Nợ được Chính phủ bảo lãnh so với GDP	*12.1%*	*12.4%*	*12.7%*
c) Nợ Chính quyền địa phương so với GDP	*0.8%*	*1.0%*	*1.3%*
5.2. Trả nợ Chính phủ so với thu ngân sách nhà nước	**18.9%**	**19.8%**	**20.2%**
5.3. Nghĩa vụ nợ dự phòng so với thu ngân sách nhà nước	**9.5%**	**9.5%**	**9.7%**

Phụ lục II

DANH MỤC ĐỀ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ NỢ NƯỚC NGOÀI TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2013 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành		
				2013	2014	2015
I. Cơ chế chính sách quản lý nợ						
1	Ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 123/2004/NĐ-CP ngày 18/5/2004 của Chính phủ quy định một số cơ chế tài chính - ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước			X
2	Ban hành Nghị định mới thay Nghị định số 124/2004/NĐ-CP ngày 18/5/2004 của Chính phủ quy định một số cơ chế tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước			X
3	Nghị định mới thay thế Nghị định số 134/2005/NĐ-CP về vay trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp theo phương thức tự vay tự trả và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định này	Ngân hàng Nhà nước	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Bộ Tài chính	X		
4	Thông tư về quản lý tài sản đảm bảo cho các dự án cho vay lại và bảo lãnh	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước	X		
5	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế tài xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ của người được bảo lãnh	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước	X		

STT	Tên Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành		
				2013	2014	2015
6	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các ngành, lĩnh vực ưu tiên được vay lại vốn vay ưu đãi, vay thương mại nước ngoài của Chính phủ	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước	X		
7	Ban hành cơ chế hướng dẫn quản lý tài chính đối với chương trình, dự án ODA,...	Bộ Tài chính	Bộ kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước	X		
II. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nợ						
1	Đề án đánh giá hiệu quả của mô hình tổ chức cơ quan quản lý nợ công trước và sau khi Luật Quản lý nợ công được ban hành	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước			X
2	Đề án xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin để phục vụ việc theo dõi, giám sát và đánh giá bền vững về nợ công	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước			X
3	Đề án phân loại nợ bị rủi ro tín dụng và ban hành tiêu chí đánh giá, xếp hạng về khả năng trả nợ của người vay lại, người được bảo lãnh	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước		X	
4	Đề án xây dựng quy trình kiểm soát và hệ thống cảnh báo rủi ro đối với danh mục nợ công	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước			X
5	Đề án Huy động, sử dụng và trả nợ vay thương mại, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ trong điều kiện Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước		X	

STT	Tên Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành		
				2013	2014	2015
6	Đề án huy động và sử dụng vốn vay của Chính quyền địa phương	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước		X	
7	Đề án Đánh giá thực trạng và khuyến nghị các giải pháp cấp bảo lãnh của Chính phủ cho các dự án vay và phát hành trái phiếu trong nước	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước		X	
8	Đề án xây dựng kế hoạch cải cách công tác quản lý nợ công theo tiêu chí DeMPA	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước			X
9	Tổng kết 5 năm thi hành Luật Quản lý nợ công và định hướng sửa đổi, bổ sung	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Ngân hàng Nhà nước			X
10	Đề án đánh giá việc sử dụng vốn vay của các dự án, chương trình quan trọng quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội quan trọng sử dụng vốn vay của CP	Bộ KH&ĐT	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	X		